

CHILD CHARACTER MOTIP IN ANCIENT CHINESE LITERATURE

Dinh Thi Huong

Posts and Telecommunications Institute of Technology

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	13/9/2022	In ancient Chinese literature, some children figures convey various meanings, especially herd boys and servant children. However, there has not been any research focusing on this topic. This research use methods of collecting, classifying and analyzing data to explain the cultural origins of these characters. The research pays attention to their accommodation, daily life and culture from which cultural values (innocence, freedom, honesty, piety, and heroism) are drawn. The research brings out deeper understanding of ancient Chinese literature. It also shows the relation between the child figure of ancient Vietnamese literature and that of ancient Chinese one. Accordingly, Vietnamese children's life and moral education can be partly known thanks to the poets' paying attention to the public's as well as children's life on those days.
Revised:	29/9/2022	
Published:	29/9/2022	
KEYWORDS		
Ancient Chinese literature		
Child figure		
Herd boy		
Servant child		
Woodcutter boy		

Kiểu nhân vật đồng tử trong văn học cổ điển Trung Quốc

Dinh Thị Hương

Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	13/9/2022	Trong văn học cổ điển Trung Quốc, có một số hình tượng đồng tử được thể hiện mang nhiều ý nghĩa, đặc biệt là hình tượng mục đồng (trẻ chăn trâu) và tiểu đồng (trẻ em làm người hầu cho những người ẩn dật trên núi). Tuy nhiên, trong lịch sử nghiên cứu văn học, chưa có nghiên cứu nào tập trung vào những hình tượng đó. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê, phân loại, so sánh và phân tích để lí giải nguồn gốc văn hoá của các hình tượng (từ đặc điểm cư trú, đời sống lao động đến tư tưởng văn hoá) và ý nghĩa phong phú của các hình tượng (sự hồn nhiên, đời sống tự do, lòng trung thực, đức hiếu nghĩa, khí chất anh hùng...). Cũng từ đó, có thể thấy được một phần đặc sắc của văn học cổ điển Trung Quốc và mối liên hệ của các hình tượng đó tới văn học cổ điển Việt Nam, thấy được một phần đời sống sinh hoạt và sự rèn luyện các phẩm chất đạo đức của nhiều trẻ em thời xưa, thấy được ít nhiều đời sống tinh thần của các nhà thơ đối với đời sống nhân dân nói chung và đời sống của trẻ em nói riêng.
Ngày hoàn thiện:	29/9/2022	
Ngày đăng:	29/9/2022	
TỪ KHÓA		
Văn học cổ điển Trung Quốc		
Kiểu nhân vật đồng tử		
Mục đồng		
Tiểu đồng		
Tiểu nhi		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6492>

Email: huongdt191277@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

151

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong văn học cổ điển Trung Quốc có những kiểu đồng tử (trẻ em) được nói tới, bao gồm mục đồng (trẻ chăn trâu), tiểu nhi (trẻ kiếm củi), tiểu đồng (trẻ làm người hầu), thần đồng (trẻ có tài lạ)... Xưa nay, đã có khá nhiều nghiên cứu về các hình tượng con người trong văn học Trung Quốc nhưng hầu hết đó đều là những hình tượng của người đã trưởng thành, từ khoảng mười lăm tuổi trở lên. Cho nên, nghiên cứu về trẻ em trong văn học nói chung và trong văn học Trung Quốc nói riêng sẽ còn cho ra nhiều phát hiện khoa học thú vị.

Về việc nghiên cứu hình tượng mục đồng, chúng ta có thể dễ dàng tra cứu được hình tượng này về mặt hội họa nhưng rất hiếm các bài viết về mục đồng, nhất là về mục đồng trong văn học Trung Quốc. Trong số ít bài viết về mục đồng, có bài “Biểu tượng mục đồng trong văn hoá dân gian Việt Nam” của Phan Nguyễn Quỳnh Anh, ở đó, tác giả đồng ý với những nhận định của dân gian về hình tượng mục đồng như người Nam Bộ cho rằng “mục đồng chính là con cháu của Thần Nông”, “mục đồng thường lấy đất sét nặn tượng Phật”, “giữa mục đồng với thế giới tâm linh có mối liên kết chặt chẽ”, tác giả không bàn luận đến mối liên hệ giữa hình tượng mục đồng trong văn hoá Việt với hình tượng mục đồng trong văn hoá Trung Quốc [1]. Trong bài viết “Từ con trâu đến mục đồng” của Mục Nhân, tác giả đã thể hiện một số ý nghĩa của biểu tượng con trâu và mục đồng trong văn hoá Việt và ý nghĩa thiền trong một số bức họa mục đồng cưỡi trâu; tác giả cũng có nhắc đến bài thơ *Mục đồng* của Lưu Giá đời Đường, tuy nhiên chỉ nhận xét là “khá hay” chứ không có thêm bình giải nào khác [2].

Về việc nghiên cứu hình tượng tiểu nhi, Đinh Thị Hương trong bài báo “Từ hình tượng ngư tiêu trong văn học cổ điển Trung Quốc đến hình tượng ngư tiêu trong văn học cổ điển Việt Nam” đã phân tích hình tượng người đốn củi là người lớn tuổi (tiểu phu hoặc lão tiêu) trong tương quan với ngư phủ (vì ngư phủ phải là người lớn, chủ yếu là người già chứ không thể là trẻ em), đây có thể là tài liệu để từ đó ít nhiều hiểu về ý nghĩa của hình tượng tiểu nhi [3].

Về vấn đề nhân tài trẻ em, Đinh Thị Hương trong bài báo “Văn học Việt Nam với sự thể hiện con đường tìm kiếm nhân tài không qua khoa cử” đã chỉ ra rằng, sự tìm kiếm nhân tài trẻ em có thể được thực hiện bằng con đường tìm kiếm ở những nơi điền viên thôn dã hoặc non xanh nước biếc và sứ giả có thể dùng câu đố để thử tài của trẻ [4].

Về hình tượng trẻ em trong văn học, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào nhân vật trẻ em trong văn xuôi (cũng chủ yếu là trong văn học cận đại và hiện đại), ví dụ như Nguyễn Thị Thanh Hương nghiên cứu nhân vật trẻ em trong truyện Việt Nam trước 1945 [5]. Bài báo này đã chỉ ra một số kiểu tính cách nhân vật trẻ em nhưng gần như không chỉ ra mối liên hệ nào của kiểu nhân vật này với kiểu nhân vật trẻ em trong văn học cổ điển Việt Nam hoặc văn học cổ điển Trung Quốc [5].

Về việc trích dẫn một số bài thơ thời trung đại Việt Nam có hình tượng đồng tử, Lê Thị Nương [6] đã trích bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” của Trần Nhân Tông và bài thơ “Đã hừng” của Đặng Huy Trứ, ở đó, tác giả bài báo đã có ý cho rằng hình tượng mục đồng (cùng với những hình tượng khác nữa) đã thể hiện vẻ đẹp cảnh tượng nông thôn Việt Nam.

Sở dĩ nghiên cứu này dùng từ “đồng tử” bởi đây là từ đã sớm được dùng trong thiên 11 của sách *Luận ngữ* (khi Không Tử hỏi chí hướng của học trò Tăng Tích, Tăng Tích đáp rằng “Mộ xuân giả, xuân phục kí thành, quán giả ngũ lục nhân, *đồng tử* lục thất nhân, dục hồ Nghi, phong hồ Vũ vu, vịnh nhi quy”) [7]. Các bản dịch đều dịch đoạn trên với ý rằng Tăng Tích nói chí hướng của mình là vào cuối mùa xuân, mặc y phục mùa xuân, cùng với năm sáu người tuổi đôi mươi và sáu bảy em nhỏ đến tắm sông Nghi, hóng mát nền Vũ vu rồi vừa đi vừa ngâm vịnh để trở về nhà (Vũ vu là đàn tế trời đất ở nước Lỗ). Như vậy, từ “đồng tử” có thể chỉ riêng đối tượng là học trò nhỏ, cũng có thể chỉ trẻ con nói chung. Không Tử đã rất ca ngợi chí hướng đó của Tăng Tích, qua đó có thể thấy được lòng yêu quý mong mỏi cảnh tượng đời sống tự do hồn nhiên, mong được thư thái cùng gió trăng trời đất, hồn nhiên như trẻ thơ. Văn chương sau đó cũng thường dùng từ “đồng tử” chỉ trẻ em.

Nghiên cứu này có tham khảo *Tuyển tập thơ Đường* của Trần Văn Nhĩ [8], *Đường thi tuyển dịch* của Lê Nguyễn Lưu [9] và bộ *Tinh tuyển văn học Việt Nam* của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia [10].

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu liên ngành văn học với triết học, sử dụng thao tác thống kê và so sánh văn học, kết hợp phân tích tổng hợp với điểm bình văn học, vừa nghiên cứu lịch sử văn học ở mức độ khái quát, vừa có sự lựa chọn đối với một số tác phẩm tiêu biểu để từ đó có những nhận định khái quát cùng những minh chứng cụ thể.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Nguồn gốc văn hoá của hình tượng đồng tử trong văn học cổ điển Trung Quốc

3.1.1. Đời sống tự nhiên và xã hội

Những đặc điểm về địa lí, con người, đời sống sinh hoạt của tất cả các vùng miền trên lãnh thổ Trung Quốc rộng lớn, đặc biệt là cảnh tượng nơi thôn dã và vùng non nước Giang Nam mệnh mông phi nhiều đã có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành các hình tượng về trẻ em trong văn hoá, văn học Trung Quốc. Phần lớn những hình tượng mục đồng được miêu tả trong thơ ca đều nằm trong các bài thơ miêu tả vùng Giang Nam tươi đẹp. Nơi đây lắm sông nhiều núi, nước biếc non xanh, vườn ruộng tốt lành, cảnh quan phong thuỷ phù hợp cho việc sinh dưỡng con người, là nơi nhiều người ẩn dật, dù là người của Nho gia hay Phật gia hoặc Đạo gia cũng đều ưa thích những cảnh tượng ở đó, lấy đó làm nơi cư trú lâu dài hoặc nơi du lãm thưởng ngoạn. Các nhà thơ cũng thường lui tới, từ đó mà lấy cảm hứng viết nên thi ca. Họ có thể gặp gỡ với những đứa trẻ nơi đó một cách ngẫu nhiên hoặc để hỏi đường thăm người. Do vậy, những đứa trẻ nơi này (nhất là trẻ chăn trâu) trở thành những đối tượng quen thuộc của thơ ca, đặc biệt là thơ Đường và thơ Tống (nếu là miêu tả cảnh tượng phía Bắc của Trung Quốc thì mục đồng chủ yếu là trẻ chăn dê chứ không phải chăn trâu).

3.1.2. Truyền thuyết Lão Tử cười trâu và các kinh điển

Lão Tử cười trâu là hình tượng trong truyền thuyết về Lão Tử. Sự tự do, có phần tưởng như chậm chạp lại là một minh triết về lẽ sống. Sống hoà thuận với tự nhiên, cười trâu thông dong nơi điền viên thôn dã và khe núi bên nước, đó là một cảnh giới cao của đời sống chứ không phải cảnh nghèo khó tầm thường. Chính hình tượng Lão Tử cười trâu là một trong những nguồn cơn của việc hình thành hình tượng mục đồng trong văn học.

Các kinh điển văn hoá và các phong tục tập quán Trung Quốc trong suốt thời kỳ cổ đại và phong kiến khi đề cập đến trọng trách xã hội của con người thì thường chủ yếu tập trung vào ca ngợi vai trò xã hội của bậc nam nhi, quân tử, ít đề cập đến trách nhiệm xã hội của nữ nhi, cho rằng nữ nhi chủ yếu là luyện rèn tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh), sinh con và quản lí việc gia đình. Do vậy, nếu có miêu tả chí hướng phẩm cách của con người khi còn nhỏ tuổi thì các tác giả cũng tập trung vào việc miêu tả chí hướng của trẻ nam chứ không phải của trẻ nữ. Rất ít hình tượng trẻ em gái được đưa vào thơ ca, nếu có thì cũng thường là con nhà khuê các (có thể có thêm hầu gái nhỏ, được cho đọc sách học chữ, được dạy tứ đức). Mặc dù có những trẻ gái có tài năng, thậm chí là có chí hướng như nam nhi (có thể thấy điều này trong các giai thoại lịch sử) nhưng hầu như không được xã hội trọng dụng và không trở thành đối tượng được tả đến trong văn học. Đó là một thiệt thòi lớn cho phận nữ nhi trong xã hội xưa ở Trung Quốc nói chung và trong văn học cổ điển Trung Quốc nói riêng. Tuy nhiên, lấp ló trong trăm nghìn hình ảnh nam nhi của lịch sử văn học Trung Quốc, chúng ta vẫn có thể thấy một vài hình ảnh nữ nhi, đó là những hình ảnh rất đẹp, hoặc yêu điệu khuê các (như hình ảnh Lâm Đại Ngọc khi còn nhỏ), hoặc ngây thơ hồn nhiên như bé gái nơi đồng nội mà Bạch Cư Dị miêu tả trong bài *Trì thượng* (Tiểu oa sinh tiểu đình/ Thâu thái bạch liên hời/ Bất giải tàng tung tích/ Phù bình nhất đạo khai – Bé gái bơi thuyền nhỏ, hái

trộm sen trắng về, không biết che dấu vết, mặt bèo rề lồi đi) [9]. Rõ ràng, hình tượng bé gái mà Bạch Cư Dị miêu tả là hình tượng rất hiếm thấy trong văn học cổ điển Trung Quốc.

3.1.3. Tư tưởng được trở về với tâm hồn trẻ thơ

Trở về với tâm hồn trẻ thơ là tâm lí của nhiều người đã trưởng thành, nhất là khi đã về già. Vì tâm hồn trẻ thơ trong sáng, không vướng bận những chuyện thị phi của thế tục, lại thường được gắn bó với cuộc sống tự do tự tại tại nơi điền viên sơn dã, khác hẳn với những văn nhân vướng bận chốn quan trường. Ngoài ra, việc để tâm hồn trở lại với trạng thái như trẻ thơ cũng chính là một cách để có thể sinh tồn lâu dài, điều này thấy rất rõ trong quan niệm của Đạo giáo. Vì vậy, nếu có nói đến đời sống của trẻ thơ thì hầu hết người ta sẽ nói đến những cảnh tượng tươi vui, phóng khoáng, gắn liền với đồng ruộng non nước. Đó là những cảnh tượng vừa có thể sinh dưỡng tinh thần, rèn tâm luyện chí cho con trẻ, cũng là những cảnh tượng mà ở đó có những mối giao tiếp chân tình rộng mở, có thể khiến đạo tâm khai sáng.

Cảnh tượng được trở về quê sau những tháng ngày thăng trầm trên quan lộ hoặc sau những năm dài lữ thứ tha hương chính là cảnh tượng rất đặc biệt được thể hiện trong văn học, đặc biệt là trở về trong sự ngóng đợi và hân hoan của thân thích và con trẻ. Chúng ta có thể sớm thấy trong *Quy khứ lai từ* của Đào Uyên Minh đời Tấn đã có câu “Đồng bộc hoan nghênh, tĩ tử hầu môn” (Tôi tớ thì hân hoan, trẻ con thì đợi cửa) [11]. Rõ ràng, trong cảnh tượng đón người trở về, trẻ con sẽ là những đối tượng khiến người trở về thêm hồ hởi. Cho nên, khi trở về, được trẻ con chào đón, đó là điều hạnh phúc, đó cũng là dấu hiệu cho cuộc sống bình yên chốn quê nhà. Không phải chuyện gì cũng có thể hỏi những người trưởng thành, có những điều phải tham vấn trẻ con, vì trẻ con vừa thành thực lại cũng vừa nhớ những chi tiết vụn vặt mà người trưởng thành nhiều khi không để ý. Chiếm được cảm tình của trẻ con cũng không phải chuyện dễ dàng, hoà đồng được với tinh thần trẻ con sẽ thấy tâm hồn mình trẻ lại. Chỉ một câu nói ngây thơ của trẻ con cũng có thể khiến người về mừng vui hay sầu tủi. Cũng vì thế, Hạ Tri Chương đời Đường, sau mấy chục năm xa quê, khi về đã 80 tuổi, đã cố giữ giọng quê cho đến lúc trở về, chỉ có mái đầu là thay khác. Bị cảm thay, mặt nước Kính Hồ mênh mông trước nhà thì vẫn thế mà người quen cũ đã không còn quá nửa, gặp trẻ con lại bị trẻ con cười hỏi “khách chốn nào lại chơi”. Phải đáp lời con trẻ thế nào, chỉ có thể tự mình thấy thương mình, con trẻ cười mà mình đau, nếu mà đem hình dung già cả của mình soi trước Kính Hồ, để gió xuân thổi phát phơ tóc trắng, sẽ thấy được cảnh biến đổi tang thương (dâu bể) của đời mình, từ đó mà cảm khái. Lời trẻ con hỏi cũng sẽ làm một người hơn tám mươi tuổi ngó ra nhiều điều.

“Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi/ Hương âm vô cải, mấn mao tồi/ Nhi đồng tương kiến bất tương thức/ Tiểu vấn khách tòng hà xứ lai” (Lúc trẻ rời quê nhà, già mới trở lại/ Giọng quê không thay đổi, mái đầu bạc/ Trẻ con nhìn thấy không biết/ Cười hỏi khách ở nơi nào đến) [8].

“Ly biệt gia hương tuế nguyệt đa/ Cận lai nhân sự bán tiêu ma/ Duy hữu môn tiền Kính hồ thủy/ Xuân phong bất cải cựu thì ba” (Rời quê hương đã nhiều năm/ Người quen cũ đã không còn đến nửa/ nước hồ Kính trước nhà như cũ/ Gió xuân không thay đổi, sóng hồ vẫn như xưa) [8].

Con trẻ hồn nhiên, trong khoảnh khắc không biết rằng chất giọng quê không đổi là chính dấu hiệu của đồng hương, đã vô tình chạm đến nỗi niềm tự thương của người trở lại.

3.2. Các hình tượng đồng tử trong văn học cổ điển Trung Quốc

3.2.1. Hình tượng mục đồng

Hình tượng mục đồng (trẻ chăn trâu) là hình tượng xuất hiện khá nhiều trong thơ cổ điển Trung Quốc, cùng với những hình tượng khác về cuộc sống nơi lâm tuyền khoáng dã là ngư phủ (người đánh cá), tiều phu (người đốn củi) và nông phu (người làm ruộng). Những cảnh tượng nghệ thuật mà trong đó có hình tượng mục đồng rất thi vị, đặc biệt là cảnh tượng mục đồng thổi sáo. Sự hồn nhiên trong sáng, cuộc sống tự do tự tại, cảnh thanh bình an lạc nơi thôn dã, sự gắn bó với điền viên sơn thủy chính là những hàm ý về hình tượng này. Qua hình tượng này, các thi

nhân cũng ít nhiều thể hiện tâm trạng về thời thế, mong muốn được hưởng cuộc sống như cuộc sống của mục đồng. Có thể thấy hàng trăm bài thơ cổ điển Trung Quốc có hình tượng mục đồng, trong đó nhiều bài thơ mà nhan đề là *Mục đồng* và toàn bộ nội dung bài thơ chỉ vịnh mục đồng.

Có thể sớm thấy hình tượng này trong phần *Nghi tự* thuộc sách *Lã Thị Xuân Thu* của Lã Bất Vi thời Chiến Quốc. Ở đó có câu “Nhập ư trạch, nhi vấn mục đồng; nhập ư thủy, nhi vấn ngư phủ” (Đi vào nơi có nhà cửa đồng ruộng thì hỏi mục đồng, đi vào nơi sông nước thì hỏi ngư phủ). Như thế, có thể thấy hình tượng này có một vài ý nghĩa. Thứ nhất, mục đồng là đối tượng luôn thành thực, không biết nói dối, giống như hầu hết trẻ em; thứ hai, mục đồng là đối tượng rất thông thuộc đường đi lối lại nơi đồng ruộng xóm làng, lại cũng là đối tượng hay rong chơi và hiếu kỳ nên dễ tiếp xúc với người lạ, thành người chỉ đường cho khách. Những ý nghĩa này của hình tượng mục đồng được tiếp tục thể hiện trong rất nhiều bài thơ, ngoài ra hình tượng này còn mang thêm những hàm ý khác, đặc biệt là hàm ý về cuộc sống hồn nhiên tự tại, tư duy trẻ thơ. Người xưa cho rằng, khi người ta đã già rồi thì thường lại muốn quay lại tuổi thơ, suy nghĩ trẻ thơ, thậm chí là muốn sống lâu thì phải dưỡng tinh thần như tinh thần trẻ thơ và vì thế hình tượng mục đồng càng trở thành hình tượng đại diện cho trẻ thơ. Vương Duy còn cho rằng “Đạo tâm cập mục đồng/ Thế sự vấn tiêu khách – *Lâm điền sơn Thạch môn tịnh xá*” [8] nghĩa là nói chuyện về đạo thì nên đưa cái tâm về như tâm hồn trẻ chăn trâu, nói chuyện thế sự thì hỏi người đánh cá (vì người đánh cá phần nhiều là người từng trải, lại có nhiều hiểu biết thế sự, là hình tượng của người có trí tuệ mà ở ẩn). Mục đồng không những có thể thành thạo địa bàn nơi đồng ruộng xóm làng mà cũng có thể thông thạo nơi núi xanh (vì ngoài việc chăn trâu, chúng cũng có thể lên rừng tìm củi hay kiếm quả rừng, hoặc tiếp xúc với trẻ kiếm củi, do nơi đồng ruộng thường liền với nơi sông núi nên chúng cũng có thể hiểu biết cả nơi núi rừng, hoặc tự mình biết, hoặc biết qua bạn kiếm củi); mục đồng còn có thể biết đến những chỗ ẩn dật của tăng nhân, cao nhân và vì thế cũng có thể trở thành người dẫn đường cho người khác lên núi, lại cũng thường được tăng nhân và cao nhân yêu quý nên đôi khi mục đồng còn học hỏi được ở họ ít nhiều đạo hạnh, rất biết thi lễ khi gặp khách. Lưu Giá đời Đường có viết “Mục đồng kiến khách bái/ Sơn quả hoài trung lạc – *Mục đồng*” (Mục đồng thấy khách liền chào, tiếc quả trong núi rụng); Khâu Quỳ đời Tống cũng viết “Mục đồng kiến khách thủ giao xoa – *Hoà ý hành vận*” (Mục đồng thấy khách liền khoanh tay chào); Triệu Nhữ đời Tống thì cho rằng “Tầm tăng vấn mục đồng” (Muôn tìm sư có thể hỏi mục đồng) và “Ngạn mỗi đồ cùng vấn mục đồng – *Tảo chinh*” (Đường cùng thì hỏi mục đồng) [12].

Mục đồng còn thường được miêu tả trong những bối cảnh rất nên thơ. Mục đồng thường biết thổi sáo, cảnh tượng mục đồng thổi trâu thổi sáo trong buổi chiều tà nơi thôn dã là cảnh tượng rất thú vị. Tâm trạng hồn nhiên thư thái, hành vi tự do tự tại, không suy nghĩ tính toán, thổi khúc sáo véo von, có khi ngồi vắt vẻo trên lưng trâu mà thổi, cũng có khi nằm ngửa trên lưng trâu mà thổi, khiến cho những khách danh lợi đường trường nghe thấy mà cảm mến, thậm chí là phải than thở cho bản thân vì vòng danh lợi mà chẳng được hồn nhiên; mục đồng về đến nhà rồi thì ăn tối, ăn xong thì ngủ, có khi chẳng cần thay y phục, ngủ ngon dưới cảnh trăng sao, lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu, thực là thoải mái, chẳng như khách lợi danh vì miếng cơm manh áo mà tù túng bản thân. Mục đồng thường được hưởng cái thú trắng thanh gió mát, nếm mùi vị hoa quả nơi vườn ruộng núi đồi, thậm chí là cả những sản vật ngon dưới nước (do núi liền nước, mục đồng được tiếp xúc với ngư phủ), cũng được biết muôn loài chim bay thú chạy và nhiều loài thảo mộc.

Mục đồng còn được thể hiện như những tiểu anh hùng, có chí tang bồng từ nhỏ, lấy bông lau làm cờ phát, lấy thân trúc làm cung làm tên, lấy cỏ bông trên núi làm dây cung, giắt sau lưng, tập trận cùng đám bạn trẻ trâu (việc lấy thân trúc thân sậy làm sáo thổi chẳng những mang tính thi vị mà còn là phương tiện để điều khiển trâu hoặc cả bầy trâu, nếu ở phương Bắc thì lấy sừng thú làm tù và để thổi, có thể điều khiển gia súc, lịch sử văn hoá còn lưu lại rằng trong chiến trận có những người có thể dùng tù và để điều khiển mãnh thú tham gia đánh trận và những người ấy thừa nhỏ là những trẻ chăn trâu chăn dê). Mục đồng tết cỏ làm giày, làm trang phục, nón lá áo tơi (trang phục kiểu anh hùng hiệp khách), lúc bờ sông khe suối, lúc thổi trâu phóng đò, lúc thổi trâu vượt khe, sáng một nơi chiều một nơi, như thể anh hùng lặn lội, hào hán giang hồ, trải phong sương mưa gió.

Mục đồng khát thì uống nước suối nước sông, đôi thì hái quả rừng, gom cỏ đốt lửa giữa đồng, nướng khoai khi bụng đói, những cảnh tượng đó của mục đồng chẳng phải chỉ ngày nay mới có. Chăn trâu đánh xe, làm những việc như vậy từ bé cũng là quá trình để sau này quen thuộc việc dùng trâu cây bừa, thậm chí là để ngày sau cưỡi ngựa bắn tên, tham gia đánh trận, không chỉ đơn thuần là chăn trâu khi còn nhỏ.

Tất cả những ý nghĩa đó của hình tượng mục đồng đều đã có trong những bài thơ vịnh mục đồng thời Đường và thời Tống [12]:

Bài *Mục đồng* của Lô Triệu đời Đường:

“Thuyền nhân đắc tựa mục đồng tâm/ Ngưu thượng hoành miên thu thính tâm/ Thời phục vãng lai xuy nhất khúc/ Hà sâu nam bắc bất tri âm” (Mấy ai được như mục đồng/ Vất ngang trên lưng trâu mà ngủ/ Lúc về thì thổi một khúc sáo/ Chẳng sầu vì không có kẻ lắng nghe).

Bài *Mục đồng* của Lữ Nham đời Đường:

“Thảo phô hoành dã lục thất lý/ Dịch lộng văn phong tam tứ thanh/ Quy lai bão phạm hoàng hôn hậu/ Bất thoát thoa y ngoạ nguyệt minh” (Trên bãi cỏ trái dài sáu bảy dặm/ Tiếng sáo cất lên ba bốn khúc/ Trở về nhà ăn cơm tối/ Cứ để nguyên quần áo thể mà ngủ dưới trăng).

Bài *Mục đồng từ* của Lý Thiệp đời Đường:

“Triều mục ngưu/ Mục ngưu hạ giang khúc/ Dạ mục ngưu/ Mục ngưu thôn khẩu cốc/ Hà thoa xuất lâm xuân vũ tề/ Lô quán ngoạ xuy sa thảo lục/ Loạn sấp bông cao tiền mãn yêu/ Bất phạ mãnh hổ khi hoàng độc” (Sáng chăn trâu/ Chăn trâu khúc sông dưới/ Tối chăn trâu/ Chăn trâu ở hẻm núi đầu thôn/ Khoác áo tôi ra rừng trong mưa xuân/ Nằm thổi khúc sáo trên cỏ xanh/ Dắt cỏ bông trên lưng làm tên/ Chẳng sợ hổ mạnh bắt nghé nhỏ).

Bài *Mục đồng* của La Ấn đời Đường:

“Mục đồng kiến nhân câu bất thức, tận trước mang hài đới nhược lạc/ Triều dương vị xuất chúng sơn tinh, lộ trích thoa y do bán thấp/ Nhị nguyệt tam nguyệt thời, bình nguyên thảo sơ lục/ Tam cá ngũ cá kỳ luy ngưu, tiền thôn hậu thôn lai phóng mục/ Dịch thanh tài nhất cử, chúng trĩ tề ca vũ/ Khán khán bạch nhật hướng tây tà, các tự kỳ ngưu hựu quy xứ” (Mục đồng thấy khách liền dừng chân, nón lá áo tôi giây cỏ/ Nắng sớm ra núi, sương ướt áo tôi/ Tháng hai tháng ba, chăn nơi thảo nguyên xanh/ Cùng mấy đứa trẻ khác cười trâu gầy, phóng thôn sau thôn trước/ Tiếng sáo cất lên, đám trẻ con cùng ca múa/ Ngày ngày nhìn mặt trời lặn, cười trâu trở về thôn).

Bài *Mục đồng thi* của Hoàng Đình Kiên đời Tống:

“Kỳ ngưu viễn viễn quá tiền thôn/ Đoàn dịch hoành xuy cách lũng văn/ Đa thiếu Trường An danh lợi khách/ Cơ quan dụng tận bất như quân” (Cười trâu vất vẻo về trước thôn/ Khúc sáo ngắn thổi ngang tiếng bay qua lũng núi/ Ít nhiều khách danh lợi chốn Trường An/ Lòng đầy toan tính, không được hồn nhiên như vậy).

Bài *Mục đồng* của Chu Đôn Di đời Tống:

“Đồng phong phóng mục xuất trường pha/ Thuý thức a đồng nhạc thú ca/ Quy lộ chuyển tiên ngưu bối thượng/ Dịch thanh xuy lão thái bình ca” (Mục đồng theo gió xuân cưỡi trâu khỏi dốc dài/ Cùng với đám bạn trẻ con ca hát vui thú/ Trên đường về, ngồi trên lưng trâu dùng roi mà điều khiển/ Thổi khúc sáo xưa ca ngợi cảnh thái bình).

Bài *Mục đồng ca* của Bồ Thọ Thành đời Tống:

“Quyền lai ngưu bối ngoạ/ Nhất giác độ tiền cương/ Ngưu bảo nhi hô nổi/ Quy lai ồi vị hương” (Muốn ngủ thì nằm trên lưng trâu mà ngủ/ Ngủ đầy giấc thì dậy/ Trâu đã no mà bụng mình thì đói/ Dậy rồi thì nướng khoai thơm).

Như vậy, có thể thấy rằng hình tượng mục đồng là hình tượng có rất nhiều ý nghĩa. Mỗi bài thơ có thể chỉ miêu tả một vài đặc điểm của hình tượng này nhưng đều rất đặc sắc và thú vị. Những bài thơ đó chính là cơ sở để tạo nên những bức họa về mục đồng. Ngoài thơ ca và hội họa, trong âm nhạc Trung Quốc còn có khúc sáo mục đồng.

3.2.2. Tiều nhi

Tiều nhi (đứa trẻ kiếm củi) cũng là hình tượng rất đẹp trong thơ cổ điển Trung Quốc. Tuy rằng hình tượng người đốn củi chủ yếu là ông già (lão tiều) hoặc người con trai đã trưởng thành

(thường dùng từ “tiều phu”) nhưng cũng có những khi là đứa trẻ (nếu là đứa trẻ thì thường là kiếm củi chứ ít khi đốn củi). Tuy rằng hình tượng tiều nhi là rất ít so với hình tượng tiều phu và lão tiều nhưng những ý nghĩa của hình tượng này cũng rất đáng lưu ý. Đó là cuộc sống hồn nhiên, tự do tự tại nơi núi xanh, được tiếp xúc với muôn loài thảo mộc và chim hoa muông thú, có thể giao tiếp với ngư phủ, với các cao nhân ở ẩn trên núi, có thể trở thành người hướng đạo nơi rúi rừng... Tiếng hát trong trẻo véo von nơi núi rừng của tiều nhi là thứ âm thanh rất ý nghĩa trong cảnh tượng sơn lâm, cũng đem đến rất nhiều cảm tình cho những người đi du ngoạn hoặc tìm ẩn giả nơi đó (bài thơ *Chu Pha tuyệt cú* kỳ 2 của Đỗ Mục có câu “*Yên thâm đài hạng xướng tiều nhi – sương khói dày đặc, lối vào rêu xanh phủ kín, tiếng trẻ kiếm củi hát véo von*) [13]. Trong một số trường hợp, hình tượng tiều nhi còn thể hiện cho lòng hiếu thuận với cha mẹ (giúp đỡ cha mẹ về đời sống vật chất), cho tinh thần hiếu học của đứa trẻ nghèo nơi xóm núi (đọc sách và kiếm củi, học hỏi nơi người khác). Đây cũng là công việc có thể giúp đứa trẻ rèn luyện được nhiều phẩm chất khi còn nhỏ. Cho nên, trong lịch sử văn hoá Trung Quốc, có những câu chuyện kể về tuổi thơ với việc kiếm củi đọc sách của một số nhân vật lịch sử, điều đó giống như sự tự hào về công việc này đối với trẻ thơ.

3.2.3. Tiểu đồng

Tiểu đồng (tên gọi khác là “đồng bộc”) là đứa trẻ làm người hầu cho người khác, bao gồm cả thư đồng (đứa trẻ chuyên lo hầu chuyện bút mực sách vở hoặc trông nom thư phòng cho người khác). Đặc điểm chung của các tiểu đồng là sự cần mẫn, lanh lợi, gắn bó với chủ nhân, luôn vâng lời và hiểu ý chủ nhân. Từ các nhà quyền quý đến các gia đình trung lưu hay những học trò nghèo và các nhà sư ẩn dật trên núi đều có thể có tiểu đồng hầu hạ. Vai trò của tiểu đồng rất quan trọng, thường xuyên là người giao tiếp trước với khách nên được dạy bảo kỹ lưỡng về nề nếp, lễ phép, có khi là cả đạo lý và văn chương để có thể ứng đối khi cần thiết hoặc xử lý những tình huống quan trọng khi chủ nhân vắng mặt. Nhìn vào tiểu đồng, có thể ít nhiều đoán được chủ nhân của tiểu đồng thuộc hạng người nào. Nếu như khách tôn trọng chủ nhân thì cũng không thể coi thường tiểu đồng. Trong *Tam Quốc diễn nghĩa*, khi Lưu Bị lần thứ ba đến lều tranh để cầu Khổng Minh thì nghe tiểu đồng của Khổng Minh nói chủ nhân còn đang ngủ, Lưu Bị không dám phiền tiểu đồng đánh thức Khổng Minh, cứ chấp tay đứng hầu ngoài cửa đợi đến khi Khổng Minh tự tỉnh dậy. Vì sao tiểu đồng không tự đi đánh thức Khổng Minh, không phải chỉ vì Lưu Bị không phiền đến mà còn vì tiểu đồng rất hiểu ý Khổng Minh (mặc dù sau đó Khổng Minh có nói lời trách cứ tiểu đồng sao không gọi mình dậy nhưng lời trách đó chưa hẳn đã là lời trách thực sự, tiểu đồng đã hiểu ý Khổng Minh, lại cũng hiểu ý Lưu Bị vì nếu tùy tiện đánh thức Khổng Minh thì e rằng việc cầu hiền của Lưu Bị vì thế cũng chưa hẳn đã thành công); tiểu đồng cũng lại rất hiểu đạo lý trong việc cầu hiền nên để Lưu Bị đứng đợi như vậy (nếu không phải là vì mục đích cầu hiền thì có lẽ tiểu đồng đã đánh thức Khổng Minh hoặc ít nhất cũng phải mời Lưu Bị vào ngồi đợi ở nơi nào đó trang nhã chứ không thể để Lưu Bị cứ chấp tay đứng hầu ngoài cửa). Như vậy, có thể thấy rằng Khổng Minh dạy bảo tiểu đồng rất nghiêm cẩn, họ rất hiểu ý nhau, hiểu đạo lý cầu hiền. Có được một tiểu đồng như vậy, dù có giao việc nhà cũng rất an tâm.

Đối với các bậc cao nhân nói chung và những nhà sư ẩn dật tu hành trên núi nói riêng, họ thường nuôi dạy được những tiểu đồng rất tốt, có thể thành người thân tín hoặc truyền nhân. Hàng ngày, tiểu đồng có thể làm những việc như lấy nước, kiếm củi, hái thuốc, nấu ăn, pha trà, canh cửa, hầu cho chủ ngủ... Những người tìm đến cao nhân thường cũng tiếp xúc với tiểu đồng. Bài *Tâm ẩn giả bất ngộ* của Giả Đảo đời Đường là bài thơ được nhiều người biết đến bởi màu *thiên* chất *ẩn*, từ *tâm* mà *ngộ*. Ngoài ra, hình ảnh của đồng tử trong bài thơ đó cũng rất đặc biệt (có thể hiểu đồng tử ở đây chính là tiểu đồng vì đồng tử đó gọi ẩn giả là thầy), đồng tử lại giống như một người có thể gọi cho người đi tìm ẩn giả và cũng là tìm đạo, đạo cao thâm mờ mịt, có thể gặp cũng có thể không gặp:

“Tùng hạ vấn đồng tử/ Ngôn sư thái được khứ/ Chỉ tại thử sơn trung/ Vân thâm bất tri xứ” [9].

Người đi tìm ẩn giả (có lẽ ở đây chính tác giả là người đi tìm), gặp đồng tử ở dưới gốc tùng, đồng tử trả lời rằng thầy đang đi hái thuốc trong núi, rồi chỉ tay về phía núi, núi ẩn trong mây, tìm

đâu thấy bóng thầy. Như vậy, cảnh tượng trong bài thơ có rất nhiều ý nghĩa. Gốc tùng là nơi cao nhân ẩn sĩ thường ngồi, đồng tử ở dưới gốc tùng cũng có hàm nghĩa đồng tử sẽ là người sẽ tiếp tục trở thành cao nhân ẩn sĩ. Thầy đi hái thuốc, để đồng tử ở lại, tiếp kiến khách xa, đồng tử biết khách xa tìm thầy tìm đạo nên thay thầy mà trở lối, khách xa nghe lời đáp của đồng tử mà có thể ít nhiều ngộ đạo, dù không gặp thầy mà vẫn có thể gặp đạo, thầy để đồng tử ở lại để không làm lỡ khách đường xa, khéo để lại một cơ duyên hiếm có cho sự ngộ đạo của viễn khách.

Nếu là trẻ em gái mà làm kẻ hầu cho gia đình khác thì thường được gọi là *nha đầu* (hoặc *a hoàn*, *nha hoàn*). Vì trên đầu những trẻ này thường có hai bím tóc búi tròn nên gọi là *nha đầu*. *Nha đầu* thường hầu các cô tiểu thư hoặc những người phụ nữ lớn tuổi trong các phủ. Giữa *nha đầu* và chủ nhân thường có mối quan hệ thân thiết, *nha đầu* thường hiểu tính cách tâm trạng của chủ nhân, lựa theo đó mà hành sự, có thể thấy điều này qua nhân vật Tuyết Nhạn (một tiểu *a hoàn* của Lâm Đại Ngạc trong tiểu thuyết *Hồng lâu mộng*).

3.2.4. Tiên đồng

Tiên đồng là những đứa trẻ hầu các vị tiên. Như vậy, đó không phải là hình tượng có thực ở ngoài đời nhưng là hình tượng thường thấy khi các tác giả miêu tả cõi tiên của Đạo giáo. Trong *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân, hình tượng Thanh Phong và Minh Nguyệt là hai tiên đồng của Trần Nguyên Đại Tiên (trong đoạn trích Tôn Ngộ Không trộm nhân sâm) chính là hai hình tượng tiên đồng rất tiêu biểu. Những tiên đồng này thường được chủ đặt cho những cái tên hay, có thể thay chủ quản lí tiên trang khi chủ đi vắng, thay chủ tiếp khách và ứng xử, được chủ dạy bảo chu đáo và nghiêm khắc. Tiên đồng có cái vẻ đáng yêu của trẻ con, lại có cái vẻ thông minh nhanh nhẹn, phần nhiều là ngoan ngoãn nhưng cũng có thể có phần láu cá nữa. Đó là những hình tượng có thể làm cho cõi tiên thêm sống động, như một kiểu nhân vật kết nối giữa người và tiên. Ngoài Thanh Phong và Minh Nguyệt, trong *Tây du kí* còn có các tiên đồng của Thái Thượng Lão Quân (được chủ sai quạt lò bát quái để thiêu Tôn Ngộ Không) và các tiên đồng khác nữa.

3.2.5. Thần đồng

Thần đồng (còn có thể gọi là *kỳ đồng*) là đứa trẻ có tài lạ. Những câu chuyện về những đứa trẻ sớm bộc lộ tài năng thường được miêu tả trong những giai thoại văn học và lịch sử Trung Quốc. Hoặc là những đứa trẻ con nhà quyền quý, được rèn luyện dạy bảo và sớm phát lộ tài năng; hoặc những đứa trẻ nơi thôn dã sớm có những biểu hiện kỳ tài; hoặc những tiểu đồng, tiểu tăng... sớm anh hoa phát tiết; hoặc tài văn chương biện luận, hoặc tài võ thuật kiếm đao; hoặc lộ khí chất anh hùng, hoặc hiện phong tư thoát tục. Trong suốt mấy ngàn năm của lịch sử phong kiến Trung Quốc, những giai thoại về các thần đồng, nhất là các thần đồng về thi phú, đã đem đến rất nhiều thú vị cho văn học. Giai thoại về Vương Bột lúc còn nhỏ gắn liền với sự ra đời của bài *Đẳng Vương các tự* chính là một giai thoại về thần đồng được nhiều người biết đến [14].

Việc miêu tả thần đồng thường gắn liền với việc miêu tả những sự thử tài trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Có thể là ra câu đố, câu đối, có thể là yêu cầu ứng khẩu làm thơ hoặc múa võ luyện cung.... Nói chung, người Trung Quốc rất đề ý đến việc tìm kiếm tài năng con trẻ, cũng rất đề ý đến việc bồi dưỡng nhân tài khi còn nhỏ. Từ việc coi trọng chuyện đọc sách (mà chủ yếu đọc những thi thư kinh điển), việc rèn luyện tâm tính thể trạng hàng ngày đến việc chọn lựa tu sửa cảnh quan phong thủy... đều có thể sinh dưỡng tài năng con trẻ. Từ quan niệm của Nho gia rằng mười lăm tuổi là nam nhi đã có thể lập chí hướng (mà muốn mười lăm tuổi lập chí hướng thì trước đó phải được rèn luyện bồi dưỡng rất nhiều) đến quan niệm của dân gian rằng “anh hùng xuất thiếu niên” (anh hùng từ lúc còn nhỏ) hoặc quan niệm “danh sư xuất cao đồ” (thầy giỏi có trò hay)... đã góp phần làm cho kiểu nhân tài trẻ em nói chung và thần đồng nói riêng trở thành đối tượng rất được xã hội quan tâm, đặc biệt là trong văn hoá, văn học.

3.3. Vấn đề biểu tượng của đồng tử trong văn học cổ điển Trung Quốc

Một điều dễ nhận thấy là khi nói đến hình tượng người trưởng thành, đặc biệt là người quân tử và chí hướng phẩm cách của họ thì văn học dùng đến rất nhiều các biểu tượng, từ các loài thảo

mộc (tùng, trúc, cúc, bạch mai, lan, quế) đến các loài động vật (rồng, phượng, hồng, hạc, cò trắng, cá chép) và cảnh tượng tự nhiên (mây, núi, sông, nước)... Tuy nhiên, lại rất hiếm các biểu tượng tượng trưng cho hình ảnh và phẩm chất của trẻ em. Chúng ta có thể liên tưởng đến một vài biểu tượng cho trẻ em như con chim non (sò), những loài cây còn nhỏ, nhất là cây măng (duẩn), nhưng qua khảo sát nhiều bài thơ Đường và thơ Tống, việc các nhà thơ sử dụng những biểu tượng để chỉ trẻ em là rất ít, nếu có thì cũng phải khéo cảm nhận một chút mới thấy, ví dụ như bài *Đề tiểu tùng* của Đỗ Tuân Hạc đời Đường.

“Tự tiểu thích đầu thâm thảo lý/ Nhi kim tiệm giác xuất bông hao/ Thủy nhân bất thức lãng vân mộc/ Trục đãi lãng vân thủy đạo cao” (Lúc nhỏ chỉ là một mầm bé trong bụi rậm/ Nay bất ngờ vượt lên khỏi đám cỏ bông hao/ Người đời đâu biết đó là loài cây có bản lĩnh vươn tới mây xanh/ Đến khi vươn thẳng tới mây xanh thì mới biết là loài cao vậy).

Như vậy có thể thấy rằng cây tùng nhỏ này vừa có thể tượng trưng cho người quân tử (có thể đã đến tuổi tráng niên đang nuôi chí lớn), cũng có thể hàm ý chỉ thiếu niên đang sớm lộ diện xuất đầu. Như vậy thì bài thơ này cũng đặt ra vấn đề làm sao phải sớm nhận ra tài năng phẩm chất tốt đẹp ở một số trẻ em để sớm dưỡng bồi, không bỏ qua và lãng phí hiền tài mọi nơi nói chung và nơi sơn lâm hoang vắng nói riêng.

Nếu như khảo sát hết văn học cổ điển Trung Quốc, có thể chúng ta sẽ còn tìm ra một số bài sử dụng biểu tượng chỉ các phẩm chất của trẻ em nhưng rõ ràng có thể khẳng định số lượng đó không nhiều, nhất là khi so với các tác phẩm dùng các biểu tượng để chỉ phẩm chất của nam nhân khi đã trưởng thành.

Về vấn đề không có nhiều biểu tượng để chỉ trẻ em, có lẽ từ vài lí do.

Thứ nhất là văn học cổ điển Trung Quốc quá coi trọng chí hướng của nam nhân lúc trưởng thành (có thể tính từ khi mười lăm tuổi), dành nhiều biểu tượng cho điều đó, thành ra những biểu tượng cho trẻ em còn lại không nhiều. Khi một người làm thơ nói về người khác thì cũng chính là gián tiếp thể hiện bản thân mình, mà những tác phẩm văn học cổ điển Trung Quốc còn lưu lại ngày nay cho chúng ta tuyệt đại đa số là những tác phẩm mà tác giả đã là người ở tuổi người lập chí lập nghiệp nên họ dành hứng thú bút mực nói về các biểu tượng cho người đã trưởng thành cũng là điều dễ hiểu.

Thứ hai là nếu nói về trẻ em, người ta tự nhiên sẽ có thiên hướng nói về sự hồn nhiên thành thực. Ngoài ra, cái đức tính mà cần có ở trẻ chính là sự bồi dưỡng lòng hiếu thảo. Hiếu là nói đến phẩm chất của con cái với cha mẹ, để là sự nhường nhịn của anh em trong nhà với nhau. Hơn bất cứ quốc gia nào khác, Trung Quốc là đất nước nói rất nhiều về chữ hiếu của con người (ngay cả lòng trung cũng được coi là phẩm chất được xây dựng trên cơ sở từ lòng hiếu). Nếu xét kỹ thì những bài thơ miêu tả mục đồng, tiểu nhi hay tiểu đồng cũng là những bài thơ mà ở đó gián tiếp thể hiện hình tượng con trẻ hiếu thảo và lễ nghĩa. Giúp cha mẹ trong lao động, gặp khách lạ thì thưa hỏi thi lễ, rảnh rỗi thì đọc sách hay tham vấn bề trên... đó đều là những biểu hiện của hiếu thảo, lễ nghĩa. Với các đồ nhi (học trò) và tiểu đồng (các tiểu đồng hầu các bậc cao nhân ẩn giả thường cũng là học trò của các cao nhân ẩn giả ấy), coi thầy như cha, cung kính hiếu nghĩa, vừa thực hành đạo làm trò vừa thể hiện đạo làm con. Môi trường cho đồng tử sống nói chung cũng là môi trường tốt để nuôi dưỡng lòng hiếu nghĩa. Đức hiếu thể hiện nhiều ở hành động, muốn vàn biểu hiện, không có nhiều biểu tượng cho nó (trong khi các phẩm chất khác như lòng cương trực, đức trung trinh, sự chịu đựng gió sương, sự cô độc để giữ gìn phẩm chất, hoài bão chí hướng... đều có thể mượn các hình tượng cây cối hay loài vật để làm biểu tượng). Sự hồn nhiên, thành thực, lòng hiếu thảo, nghĩa lễ của trẻ phải được tự chúng thể hiện một cách chân thực, bằng hành động lời nói. Những người tinh tế, khi giao tiếp với trẻ, tự khắc nhận ra những phẩm chất này.

3.4. Mối liên hệ giữa hình tượng đồng tử trong văn học cổ điển Trung Quốc và hình tượng đồng tử trong văn học cổ điển Việt Nam

Những hình tượng mục đồng trong văn học cổ điển Trung Quốc có ít nhiều mối liên hệ với việc miêu tả mục đồng trong văn học Việt Nam. Ta có thể gặp cảnh tượng có mục đồng trong bài

thơ *Thiên Trường vãn vọng* của Trần Nhân Tông (Mục đồng dịch lý quy ngư tận – Mục đồng thối sáo dẫn trâu về), trong bài *Chu trung ngẫu thành* của Nguyễn Trãi (Ngư ca tam xứng yên hồ khoát/ Mục dịch nhất thanh thiên nguyệt cao – Mấy câu hát của ông ngư trên mặt hồ rộng đầy sương khói phủ/ Một tiếng sáo của trẻ chăn trâu dưới bóng trăng cao) [10], cũng thấy hình tượng mục đồng trong hai bài thơ của Lê Thánh Tông và trong một số tác phẩm khác của văn học trung đại Việt Nam. Ở bài thơ vịnh mục đồng của Lê Thánh Tông, hình tượng mục đồng còn được tác giả liên tưởng tới hình tượng Ninh Thích và Hoàn Y (Ninh Thích là người thời Xuân Thu, vì nhà nghèo mà phải đi ở chăn trâu, thường gõ sừng trâu mà hát, sau được vua Tề biết đến và được trọng dụng; Hoàn Y là người thời Đông Tấn, thông hiểu âm luật, đặc biệt là giỏi thổi sáo, đồng thời là một danh tướng). Tuy rằng, hai bài thơ Nôm vịnh mục đồng của Lê Thánh Tông có cái ý vị dí dỏm hài hước song không làm giảm đi cái giá trị của hình tượng mục đồng so với thơ cổ điển Trung Quốc.

Về hình tượng tiêu nhi, chúng ta có thể bắt gặp cảnh “Lom khom dưới núi tiêu vài chú” trong bài *Qua đèo ngang* của bà Huyện Thanh Quan. Tuy rằng hình tượng vài chú tiêu này có phần không giống với hình tượng tiêu nhi thường được miêu tả trong văn học cổ điển Trung Quốc (trong cảm nhận của Bà Huyện Thanh Quan, cảnh tượng chiều tà nhuộm màu hiu hắt bởi tâm tư “nhớ nước, thương nhà” của tác giả trong tiếng cuộc kêu và tiếng gia gia gọi bạn, hình tượng những chú tiêu vì vậy mà cũng có ít nhiều thể hiện cuộc sống cần lao, có phần cần thương cảm) nhưng cũng không thể phủ nhận rằng trong cái khí vị của bài thơ này những chất liệu Đường thi đã được thể hiện rất rõ, cho nên hình tượng những chú tiêu kia vẫn ít nhiều được nữ thi sĩ liên tưởng từ hình tượng tiêu nhi trong chất liệu thơ Đường.

Về hình tượng các tiểu đồng, trong văn học cổ điển Việt Nam cũng có một số bài thơ nói đến tiểu đồng. Trong bài *Thu nhật khiến hưng* của Nguyễn Phi Khanh có câu “Tây song nhất chấm thanh miên túc/ Cánh vịnh tân thi khoá tiểu đồng” (Đã ngủ đầy giấc trên gối bên cửa sổ phía Tây/ Tỉnh dậy làm thơ dạy tiểu đồng); trong bài *Chân lạc* của Nguyễn Văn Siêu có câu “Sổ uyên thanh hương nhất tiểu đồng/ Tận thư tưng bãi ngoại nam phong” (Mấy chén hương thơm, một tiểu đồng/ Sách đọc xong rồi, nằm hóng gió Nam) [10]. Khá nhiều văn nhân, sĩ tử và những người làm quan trong lịch sử văn hoá Việt Nam sử dụng tiểu đồng để hầu hạ. Cảnh tượng những anh học trò nghèo lên kinh ứng thi, mang theo tiểu đồng để làm hầu làm bạn là cảnh tượng cũng hay xuất hiện trong nhiều giai thoại văn học. Sự ít nhiều tương đồng trong lịch sử thi cử và văn hoá của phong kiến Trung Quốc với lịch sử thi cử và văn hoá Việt Nam đã khiến hình tượng tiểu đồng xuất hiện trong văn chương của cả hai đất nước.

4. Kết luận

Các hình tượng đồng tử trong văn học cổ điển Trung Quốc, đặc biệt là hình tượng mục đồng được khắc hoạ rất thú vị, mang nhiều ý nghĩa. Trong thơ Đường và thơ Tống có rất nhiều bài thơ miêu tả hình tượng mục đồng, điều này ít nhiều làm cơ sở cho sự thể hiện hình tượng đó trong văn học Việt Nam. Cùng với đó, các hình tượng về tiêu nhi, đồ nhi, tiểu đồng, tiên đồng cũng góp phần làm cho hình tượng trẻ thơ thời phong kiến Trung Quốc được thể hiện thêm phong phú. Tuy rằng hình ảnh trẻ thơ khi đi vào thơ ca cổ điển có phần được thi vị hoá (trong thực tế đời sống thời phong kiến Trung Quốc, ắt hẳn phần đông trẻ thơ có cuộc sống lao khổ và bần hàn, cũng chịu những cảnh do loạn lạc dịch bệnh hay những điều kiện khắc nghiệt của tự nhiên) nhưng rõ ràng những hình ảnh trẻ thơ được thi vị hoá đó đã góp phần làm trẻ thơ thêm đáng yêu, thậm chí là đáng ngưỡng mộ. Không phải chỉ phản ánh đời sống sinh hoạt của nhân dân, những hình tượng đồng tử còn cho thấy tấm lòng của các nhà thơ với tự nhiên và con người, đặc biệt là ước muốn được quay trở về tâm hồn trẻ thơ sau khi đã trưởng thành và nếm trải nhiều gian truân của hành trình quan lộ. Đây cũng là một lí do gián tiếp cho việc mong muốn ẩn dật hay du ngoạn giang hồ của nhiều thể hệ thi nhân thời phong kiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] N. Q. A. Phan, "The Symbol of "Herdsmen" in Vietnamese Folklore," *Journal of Science Phu Yen University*, no. 7, pp. 57-66, 2014.
- [2] M. Nhan, "From buffalo to buffalo herder (in Vietnamese)," Union of Literary and Art Associations of Da Nang City, 26 January 2021. [Online]. Available: <https://vanngheданang.org.vn/tu-con-trau-den-muc-dong-8488.html>. [Accessed July 31, 2022].
- [3] T. H. Dinh, "The image of a fisherman and woodcutter in Chinese and Vietnamese ancient literature (in Vietnamese)," *HNUE Journal of Science*, vol. 65, no. 5, pp. 41-52, 2020.
- [4] T. H. Dinh, "Ancient Vietnamese in showing the identifying of men of talent without traditional examinations," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 12, pp. 236-245, 2021.
- [5] T. T. H. Nguyen, "Children in Vietnamese stories before 1945," *HNUE Journal of Science*, vol. 60, no. 3, pp. 63-67, 2015.
- [6] T. N. Le, "The subject of countryside in medieval kanji poetry in Vietnam," *HNUE Journal of Science*, vol. 59, no. 3, pp. 25-32, 2014.
- [7] T. C. Doan, "Luan Ngu," in *Tu Thu*, Hue, Thuan Hoa Publishing House, 2017, p. 176.
- [8] V. N. Tran, *Tang Dynasty poetry anthology*. Ho Chi Minh city: Ho Chi Minh City art Publishing House, (in Vietnamese), 2009.
- [9] N. L. Le, *Select and translate poetry of the Tang Dynasty*. Hue: Thuan Hoa Publishing House, (in Vietnamese), 1997.
- [10] National Center for Social Sciences and Humanities, *Vietnamese literature selection*. Ha Noi: Social Sciences Publishing House, 2004.
- [11] T. D. Tran, *Dao Uyen Minh's poetry*. Ho Chi Minh city: Ho Chi Minh City General Publishing House, (in Vietnamese), 2018, p. 365.
- [12] Ministry of Industry and Information Technology of the People's Republic of China, "Gushiju.net," 2022. [Online]. Available: <http://gushiju.net/shici/guanyu/%E7%89%A7%E7%AB%A5/chaodai-%E4%B8%8D%E9%99%90/p-1>. [Accessed 27 August 2022].
- [13] V. D. Le and N. S. Ngo, *Do Muc - a talented poet of Van Duong's life*. Hanoi: Lao Dong Publishing House, (in Vietnamese), 2013, pp. 57-58.
- [14] T. S. Tran, *Hanwen*. Ha Noi: Hong Duc Publishing House, (in Vietnamese), 2018, pp. 240-250.